

Bản án số 523/2021/HS-PT
Ngày 09/11/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hưng;
Ông Đặng Đình Lực.

Thư ký phiên tòa: bà Đặng Thị Cẩm Ly - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 539/2020/TLPT-HS ngày 22 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Đào Thị Hồng N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Đào Thị Hồng N, sinh năm 1986 tại Hải Phòng; nơi cư trú: số 12B/50/29 H, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn T và bà Nguyễn Thị Bích H; có chồng là Nguyễn Mạnh T và 01 con, sinh năm 2013; tiền sự: Không, tiền án: Bản án số 56/2019/HSPT ngày 31/01/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, 30 tháng thử thách về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”; bị tạm giữ từ ngày 05/7/2019, chuyển tạm giam ngày 10/7/2019, đến ngày 01/10/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn sang Bảo lĩnh; vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/7/2019, tại trụ sở Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hải Phòng, tổ công tác Công an thành phố Hải Phòng phát hiện Đào Thị Hồng N và Nguyễn Thanh T đang thực hiện giao dịch mua bán 06 hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT). Tang vật thu giữ gồm: 04 hóa đơn của Công ty TNHH thương mại vận tải H; 02 hóa đơn của Công ty TNHH thương mại vận tải T xuất cho Công ty TNHH NN và toàn bộ chứng từ liên quan; 58.780.000 đồng (trong đó có 50.000.000 đồng do N bán trái phép hóa đơn cho Công ty TNHH NN); 01 máy tính xách tay; 02 điện thoại và nhiều đồ vật khác.

Khám xét chỗ ở, nơi làm việc của Đào Thị Hồng N, thu giữ 05 quyển hóa đơn và nhiều tờ hóa đơn cùng bộ con dấu của các Công ty H, Công ty T, Công ty C, 02 máy tính xách tay cùng nhiều đồ vật tài liên quan quan việc mua bán hóa đơn GTGT của Đào Thị Hồng N.

Kết quả điều tra xác định:

Từ tháng 4/2018 đến tháng 7/2019, Đào Thị Hồng N đã thực hiện hành vi mua bán trái phép các hóa đơn GTGT ghi không nội dung, không có hàng hóa dịch vụ kèm theo của 03 công ty:

1. Công ty TNHH thương mại vận tải H, mã số thuế 0201842xxx cấp mã số thuế ngày 09/01/2018. Người đứng tên giám đốc công ty theo đăng ký là Nguyễn Thị O, sinh năm 1975, HKTT tại số 407 tổ đường 5/1, phường H, quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

2. Công ty TNHH thương mại phát triển C, mã số thuế 0201844042 cấp mã số thuế ngày 11/01/2018. Người đứng tên giám đốc công ty theo đăng ký là Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1974, HKTT tại số 22/143 T, phường An Dương, quận L, Hải Phòng.

3. Công ty TNHH thương mại vận tải xây dựng T, mã số thuế 0201906281 cấp mã số thuế ngày 09/10/2018. Người đứng tên giám đốc công ty theo đăng ký là Phạm Thị Hoài T, sinh năm 1982, HKTT tại thôn An Dương, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng.

Theo Báo cáo thuế do Chi cục thuế cung cấp và bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra trong máy vi tính xách tay của Đào Thị Hồng N và các quyển hóa đơn thu được khi khám xét thể hiện: Công ty H đã xuất 224 hóa đơn cho 35 công ty khác nhau, tổng tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế 119.676.085.371 đồng; Công ty C đã xuất 272 hóa đơn cho 39 công ty khác, tổng tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế 93.782.298.841 đồng; Công ty T đã xuất 26 hóa đơn cho 09 công ty khác, tổng tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế 15.318.487.907 đồng. Tổng cộng Công ty H, Công ty C, Công ty T đã xuất 522 hóa đơn cho 58 công ty khác, tổng tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế 228.776.872.119 đồng.

Công ty H đã kê khai thuế GTGT các quý 1,2,3,4 năm 2018 và quý 1 năm 2019, tổng số thuế GTGT kê nộp là 20.363.551 đồng. Công ty C đã kê khai thuế

GTGT các quý 1,2,3,4 năm 2018 và quý 1 năm 2019, tổng số thuế GTGT kê nộp là 18.173.162 đồng. Công ty T đã kê khai thuế GTGT quý 4 năm 2018 và quý 1 năm 2019, không phát sinh thuế GTGT trong kỳ.

- *Đào Thị Hồng N khai:*

Người thành lập Công ty H, Công ty C, Công ty T nêu trên là Lê Văn Lê, sinh năm 1982, HKTT tại thôn Hà Nhuận 2, xã An Hòa, huyện An Dương, Hải Phòng (là người đã từng đồng phạm với N trong vụ án “Lê Văn Lê, Nguyễn Văn Việt cùng đồng bọn phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” trước đây). Công ty H, Công ty C, Công ty T đều không có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gì trên thực tế mà chỉ được sử dụng để bán trái phép các hóa đơn GTGT ghi khống nội dung hàng hóa dịch vụ xuất cho các doanh nghiệp khác nhằm thu lợi bất chính. N và Lê cùng trực tiếp bán hóa đơn GTGT của 03 công ty, trong đó N trực tiếp bán tổng cộng 401 hóa đơn xuất cho 35 công ty, ghi khống tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế 198.595.214.514 đồng. Ngoài ra, N còn giúp sức cho Lê trong các công việc: lập các nội dung hàng hóa dịch vụ ghi khống trên tất cả hóa đơn xuất ra của 03 công ty kể cả các hóa đơn do Lê bán; lập các chứng từ kèm theo và giao dịch ngân hàng để hợp thức hóa việc xuất hóa đơn; kê khai báo cáo thuế cho cả 03 công ty, trong đó N tính tổng số tiền hàng hóa dịch vụ bán ra theo các hóa đơn bán trái phép, sau đó dựa trên tổng số tiền hàng hóa dịch vụ bán ra N tự kê khai khống tổng tiền hàng hóa dịch vụ mua vào. Số tiền bán trái phép hóa đơn N được hưởng 0,2% tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn, số còn lại N chuyển cho Lê Văn Lê theo thỏa thuận với Lê. Ngoài ra N không phải chi phí gì khác. Tổng cộng N thu lợi bất chính 385.299.094 đồng.

Đào Thị Hồng N bán trái phép các hóa đơn của 3 công ty qua trung gian là một nữ giới tên Dung và một số người khác, không xác định được nhân thân lai lịch. Giá N bán hóa đơn là 1,4% tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn. Đối với các hóa đơn xuất cho các công ty: Than Toàn Đạt, mã số thuế 0201727123; Khoáng sản Thuận An, mã số thuế 0201783128; Dầu khí Đông Á, mã số thuế 0201020140; Khoáng sản và vật liệu xây dựng Nhật Minh, mã số thuế 0106829887, N bán với giá 0,8% tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn; Công ty TNHH NN, mã số thuế 0201909691: 06 hóa đơn xuất cho công ty này N thỏa thuận bán với giá 50.000.000 đồng.

Việc bán trái phép hóa đơn GTGT xuất cho công ty TNHH NN, cụ thể: trước đó N có quen một nam giới tên Nguyễn Văn Đức, địa chỉ: số 128 Đào Nhuận, phường Kênh Dương, quận L, thành phố Hải Phòng. Đức đã đặt vấn đề mua của N 04 hóa đơn của Công ty H ghi khống số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế 4.363.185.000 đồng và 02 hóa đơn của Công ty T ghi khống số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế 1.582.482.500 đồng, xuất cho Công ty NN, với giá 50.000.000 đồng. Đức bảo N liên hệ với Nguyễn Thanh T là kế toán của Đức để

giao nhận hóa đơn và tiền mua bán trái phép hóa đơn. Sáng 04/7/2019, N hẹn Tân ở Ngân hàng BIDV chi nhánh Hải Phòng để giao nhận hóa đơn thì sự việc bị phát hiện.

- *Nguyễn Thanh T* (sinh năm 1990, HKTT tại tổ 1, khu 3A, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh) khai: Tân có quen biết một người tên Nguyễn Văn Đức, tên gọi khác là Đức Anh, Tân không biết lai lịch, địa chỉ. Tân được Đức nhờ đến Ngân hàng BIDV chi nhánh Hải Phòng gặp Đào Thị Hồng N để nhận hóa đơn từ N và đưa 50 triệu đồng tiền mua hóa đơn cho N. Ngoài ra Tân không biết gì khác về Công ty NN.

Người đứng tên giám đốc Công ty NN là Lại Thị Vân, sinh năm 1979, HKTT tại thôn Đông, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng khai: Khoảng tháng 9, tháng 10/2018, khi Vân đang ở hành lang Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên thì có 01 nam giới khoảng 40 tuổi giới thiệu tên là Tuấn hỏi mượn thẻ căn cước công dân và sổ hộ khẩu của Vân để đi photo rồi anh ta sẽ cho 04 triệu đồng, Vân hỏi để làm gì nhưng người này chỉ nói có việc cần, do cần tiền để chữa bệnh cho chồng nên Vân đã đồng ý. Vân về nhà lấy thẻ căn cước công dân và sổ hộ khẩu cho anh ta mượn, anh ta cầm đi khoảng 30 phút thì trả lại Vân. Anh ta không đưa cho Vân ký vào bất kỳ giấy tờ nào và cũng không bảo Vân đi cùng anh ta đến trụ sở, cơ quan nào. Vân không biết việc bản thân đứng tên giám đốc Công ty NN và không biết gì về hoạt động của công ty này.

Xác minh tại Chi cục thuế quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng: Công ty TNHH NN đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 26/10/2018, mã số thuế 0201909691, Công ty đã kê khai báo cáo thuế GTGT quý 4/2018, quý 1 và quý 2/2019 - không phát sinh thuế GTGT trong kỳ.

Xác minh tại địa chỉ số 128 Đào Nhuận, phường Kênh Dương, quận L, thành phố Hải Phòng không có ai tên Nguyễn Văn Đức.

Xác minh 58 công ty đầu ra của Công ty H, Công ty C, Công ty T: 43 công ty khai có mua hàng hóa dịch vụ, được người bán hàng không rõ nhân thân lai lịch xuất hóa đơn của Công ty H, Công ty C, Công ty T để thanh toán và đã sử dụng hóa đơn để kê khai khấu trừ thuế cho các doanh nghiệp; 8 công ty không sử dụng hóa đơn của các công ty để kê khai đầu vào; 01 công ty mua hóa đơn ghi không nội dung (Công ty NN), 6 công ty giám đốc vắng mặt nên Cơ quan điều tra không ghi được lời khai.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn Lê nhưng không thu được đồ vật tài liệu có liên quan. Quá trình điều tra vụ án, Lê Văn Lê không có mặt theo giấy triệu tập, vắng mặt tại địa phương, cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai.

Cơ quan điều tra đã ra Lệnh thu giữ điện tín đối với thông tin chủ thuê bao và chi tiết các cuộc điện thoại, tin nhắn của các số điện thoại 0936245519 và 090924551 mà N khai dùng liên lạc với Lê Văn Lê qua số điện thoại

0766199299, 0944199299. Kết quả: số điện thoại 0944199299 có thông tin chủ thuê bao là Nguyễn Thị Nguyệt, sinh năm 1973, CMND số 031736233 ở địa chỉ xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Xác minh tại địa phương không có người có nhân thân lai lịch như trên.

Đối với những người được thuê làm giám đốc công ty: Nguyễn Thị O - Giám đốc Công ty H khai bản thân không thành lập và đứng tên giám đốc công ty, không biết gì về hoạt động của công ty; Bùi Thị Thanh N - Giám đốc Công ty C; Phạm Thị Hoài T - Giám đốc Công ty T đều vắng mặt tại địa phương, cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai.

Một số người được thuê rút tiền từ tài khoản của 03 công ty nêu trên: Ngô Thị H, Đinh Thị Kim C, Đào Minh N (em gái của Đào Thị Hồng N) và Nguyễn Thái Linh khai: được Đào Thị Hồng N nhờ đi rút tiền nhưng không biết là để phục vụ việc mua bán trái phép hóa đơn. Nguyễn Văn L khai được một nam giới không rõ nhân thân lai lịch nhờ đi rút tiền. Nguyễn Văn K khai được một nữ giới không rõ nhân thân lai lịch nhờ đi rút tiền; cả hai đều không biết là để phục vụ việc mua bán trái phép hóa đơn. Các cá nhân khác có hành vi đi rút tiền từ tài khoản của 03 công ty nêu trên hiện vắng mặt tại địa phương, cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai.

Xác minh tại địa điểm có trụ sở của các công ty nêu trên và ghi lời khai chủ các căn nhà có địa chỉ trên đăng ký kinh doanh của các công ty thì tại các địa điểm trên không treo biển của các công ty và không có các công ty có tên trên hoạt động.

Đối với 01 dấu tròn Công ty TNHH thương mại phát triển S, mã số thuế 0201961613; 01 dấu giám đốc Vũ Đình L thu tại nhà Đào Thị Hồng N, N khai anh Vũ Đình L thành lập Công ty TNHH thương mại phát triển S, do công ty chưa hoạt động nên nhờ N giữ hộ. Lời khai của N phù hợp với lời khai của anh Vũ Đình L.

Đối với 02 Token của BIDV số 27-0623543-4 và số 27-0623542-7; 01 thẻ Vietinbank epartner card số 9704151532394062; 01 máy tính cá nhân hiệu Apple màu bạc; 01 laptop nhãn hiệu Macbook thu giữ tại nơi làm việc của N, N khai N làm kế toán cho Công ty TNHH M, mã số thuế 0201121068 từ năm 2011 đến thời điểm hiện nay, N được trả lương 06 triệu đồng/tháng. Quá trình làm việc, công ty đã cấp tiền để N mua 02 máy tính xách tay, chữ ký số... để phục vụ cho công việc; phù hợp với lời khai của anh Phạm Văn D - Giám đốc Công ty M.

Trong quá trình điều tra, gia đình N đã cung cấp cho Cơ quan điều tra bản sao bệnh án điều trị bệnh động kinh của Đào Thị Hồng N tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng. Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với Đào Thị Hồng N. Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 63/KLGD ngày 05/01/2020 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: *Trước trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can*

Đào Thị Hồng N không mắc bệnh tâm thần. Bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Cáo trạng số 21/CT-VKS-P1 ngày 17/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Đào Thị Hồng N về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 08/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định: Căn cứ các điểm d, đ khoản 2 và khoản 3 Điều 203; điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Đào Thị Hồng N 21 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Tổng hợp hình phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 56/2019/HSPT ngày 31/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, khi thụ hình tính trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày ngày 05/7/2019 đến ngày 01/10/2019).

Phạt tiền bị cáo 10.000.000 đồng.

- Về tiền thu lợi bất chính: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Truy thu số tiền 385.299.094 đồng bị cáo đã thu lời bất chính sung quỹ Nhà nước (bị cáo tự nguyện nộp lại là 8.780.000 đồng, còn phải nộp tiếp 376.519.094 đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/5/2020, bị cáo Đào Thị Hồng N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09/11/2021 bị cáo Đào Thị Hồng N có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do đang nuôi con nhỏ và sợ bị cách ly covid 19; đơn của bị cáo không có xác nhận của chính quyền địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận:

Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo làm trong hạn luật định nên cần được chấp nhận để xem xét.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, có đủ căn cứ xác định bị cáo Đào Thị Hồng N có nhân thân xấu, phạm tội trong thời gian thử thách của án treo theo Bản án số 56/2019/HSPT ngày 31/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 21 tháng tù là phù hợp. Nay không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp

dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Đào Thị Hồng N đảm bảo về hình thức và trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét.

Bị cáo Đào Thị Hồng N đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều có đơn xin hoãn phiên tòa; tòa án đã 4 lần hoãn phiên tòa tạo điều kiện cho bị cáo có mặt để trình bày nội dung kháng cáo; phiên tòa phúc thẩm lần này bị cáo tiếp tục vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa, đơn của bị cáo không có xác nhận của chính quyền địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt đối với bị cáo.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo Đào Thị Hồng N:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đào Thị Hồng N vắng mặt. Nội dung kháng cáo của bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của bị cáo như bản án sơ thẩm đã quy kết, cụ thể: Hành vi mua bán hóa đơn của bị cáo N từ tháng 6/2016 đến tháng 4/2017 đã được xét xử tại Bản án 56/2019/HS-PT ngày 31/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Trong thời gian chờ xét xử bị cáo tiếp tục phạm tội, từ tháng 4/2018 đến tháng 7/2019, Đào Thị Hồng N đã thực hiện hành vi bán trái phép tổng cộng 522 hóa đơn GTGT của Công ty H, Công ty C, Công ty T, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế 228.776.872.119 đồng; thu lợi bất chính 385.299.094 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” theo quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm chế độ quản lý hoá đơn, chứng từ và hoạt động quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; ảnh hưởng xấu đến đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước, vì vậy phải xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như tăng cường công tác đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này tại địa phương. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với việc bị cáo khai báo thành khẩn, hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, nộp lại một phần số tiền thu lời bất chính nên được áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo đang trong giai đoạn thử thách của án treo về cùng loại tội, nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình

sự. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chỉ phạt bị cáo 21 tháng tù (cao hơn hình phạt của bản án trước 06 tháng) là phù hợp, không nặng. Nay bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì mới để xem xét nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đào Thị Hồng N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351, điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án; Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đào Thị Hồng N; Giữ nguyên các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; như sau:

Căn cứ các điểm d, đ khoản 2 và khoản 3 Điều 203; điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Đào Thị Hồng N 21 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 56/2019/HSPT ngày 31/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày ngày 05/7/2019 đến ngày 01/10/2019).

Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

2. Về án phí: Bị cáo Đào Thị Hồng N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hải Phòng;
- VKSND Tp Hải Phòng;
- Cục THA DS Tp Hải Phòng;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS, VT, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Vũ Đông